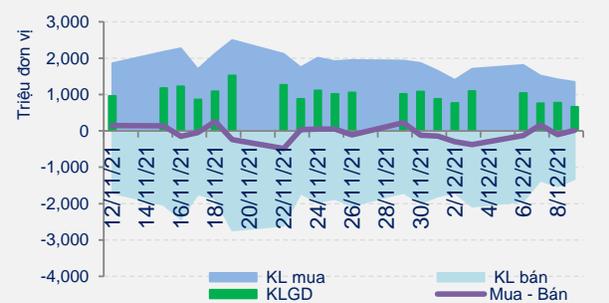
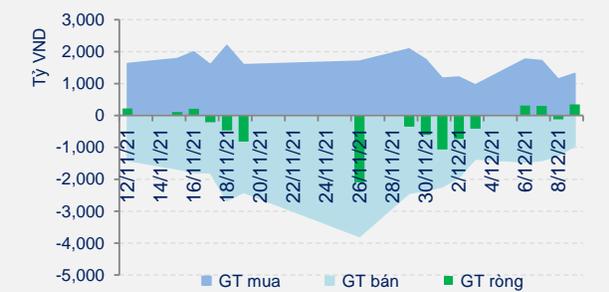


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/12/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,467.98	452.53
% Thay đổi	↑ 1.04%	↑ 0.62%
KLGD (CP)	665,516,287	93,029,535
GTGD (tỷ đồng)	19,520.95	2,603.11
Tổng cung (CP)	1,329,683,600	148,701,700
Tổng cầu (CP)	1,346,393,000	130,413,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	26,670,300	526,545
KL mua (CP)	34,062,500	482,960
GT mua (tỷ đồng)	1,309.21	20.65
GT bán (tỷ đồng)	959.27	17.20
GT ròng (tỷ đồng)	349.94	3.45

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.45%	23.6	3.8	0.9%
Công nghiệp	↑ 1.19%	23.6	3.1	14.7%
Dầu khí	↑ 0.91%	18.6	1.9	2.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.69%	-	10.4	3.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.02%	17.2	2.9	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.29%	22.9	4.0	11.8%
Ngân hàng	↑ 0.62%	11.7	2.3	11.3%
Nguyên vật liệu	↑ 0.67%	11.2	2.7	12.0%
Tài chính	↑ 1.43%	20.7	3.7	38.9%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.80%	16.2	2.6	3.5%
VN - Index	↑ 1.04%	17.2	3.2	
HNX - Index	↑ 0.62%	24.7	5.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản tiếp tục dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 15,11 điểm (+1,04%) lên 1.467,98 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 336 mã tăng, 56 mã tham chiếu, 136 mã giảm. HNX-Index tăng 2,79 điểm (+0,62%) lên 452,53 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 135 mã tăng, 56 mã tham chiếu, 117 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 720 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 20.439 tỷ đồng. Thị trường giảm nhẹ vào đầu phiên do áp lực chốt lời T+3 nhưng lực cầu gia tăng sau đó đã giúp các chỉ số quay trở lại sắc xanh và giúp chỉ số VN-Index và VN30 kết phiên ở mức cao nhất. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+0,89%) giao dịch tích cực với nhiều mã tăng như KDH (+5%), SSI (+3,9%), PNJ (+2,6%), CTG (+2,3%), POW (+2,3%), MSN (+1,9%), VJC (+1,7%), FPT (+1,5%), HDB (+1,5%), VNM (+1,2%), VRE (+1,2%), NVL (+1%), VIC (+1%)... giúp củng cố đà tăng của thị trường. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng thu hút được dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh, có thể kể đến như VND (+5,3%), SHS (+4%), VIX (+5,7%), VCI (+3,1%), HCM (+1,1%), APS (+7,6%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu thép có một phiên giao dịch kém tích cực với nhiều mã giảm như HHPG (-0,2%), HSG (-0,1%), TLH (-0,5%)... Các cổ phiếu "nóng" như TNI (-7%), IDI (-6,8%), SJF (-7%)... tiếp tục giảm sàn "trắng bên mua" với dư bán sàn hàng triệu cổ phiếu.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (+1,04%) có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài thị trường và quan sát diễn biến. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index kết phiên ngay trong vùng kháng cự gần nhất 1.465-1.470 điểm (MA20) và chỉ cần vượt qua được vùng này trong phiên tiếp theo thì xu hướng tăng của thị trường tiếp tục được cải thiện và khả năng để VN-Index hướng đến ngưỡng tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới là có thể xảy ra. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 10/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để vượt qua vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20). Hỗ trợ gần nhất của chỉ số là ngưỡng tâm lý 1.450 điểm và xa hơn là vùng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021). Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã tham gia bắt đáy trong phiên đầu tuần nên tiếp tục nắm giữ và hạn chế mua đuổi ở vùng giá hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/12/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.446,88 điểm. Nhưng từ khoảng 11h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần lên sau đó giúp chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 15,11 điểm (+1,04%) lên 1.467,98 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 1.100 đồng, BCM tăng 3.500 đồng, CTG tăng 750 đồng. Ở chiều ngược lại, VPB giảm 150 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 448,47 điểm. Sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh lên sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 453,68 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,79 điểm (+0,62%) lên 452,53 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 2.000 đồng, TIG tăng 2.100 đồng, THD tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 2.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 349,23 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 7,2 triệu đơn vị. VIC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 91,8 tỷ đồng tương ứng với 866 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 65,9 tỷ đồng tương ứng với 811 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TCH là mã bị bán ròng nhiều nhất với 60,4 tỷ đồng tương ứng với 2,8 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 3,49 tỷ đồng. IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 14 tỷ đồng tương ứng với 156 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NDN với 1,1 tỷ đồng tương ứng với 57 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 7,2 tỷ đồng tương ứng với 146 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là chưa thực sự mạnh, dòng tiền vẫn đang có sự thận trọng nhất định.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp thì chỉ số VN-Index đang kết phiên ở trong vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20). Và chỉ cần vượt qua được vùng này trong phiên tiếp theo thì xu hướng tăng của thị trường sẽ tiếp tục được cải thiện và khả năng để thị trường tiến đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong các phiên tiếp theo là có thể xảy ra.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 10/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để vượt qua vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm và xa hơn là vùng hỗ trợ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021).



TIN TRONG NƯỚC

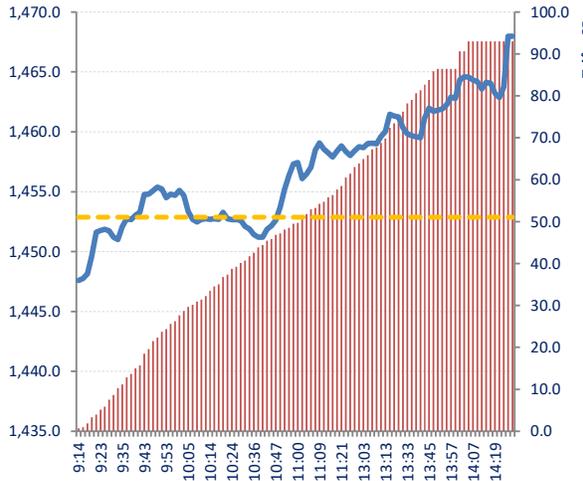
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,5 - 61,2 triệu đồng/lượng, tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 41 đồng	Sau chuỗi tăng mạnh liên tiếp, tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 9/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.196 VND/USD, giảm 41 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

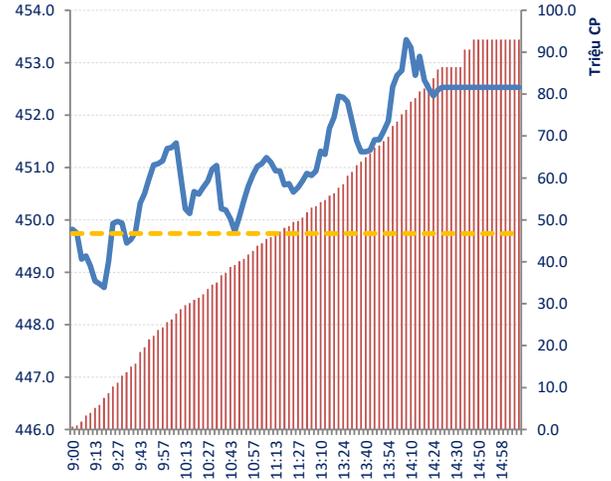
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,45 USD/ounce tương ứng với 0,14% xuống 1.783,05 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,197 điểm tương ứng 0,21% lên 96,082 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1319 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3205 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,59 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,08 USD/thùng tương ứng với 0,11% xuống 72,3 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 8/12, Dow Jones tăng 35,32 điểm tương đương 0,1% lên 35.754,75 điểm. Nasdaq tăng 100,07 điểm tương đương 0,64% lên 15.786,99 điểm. Nasdaq Composite tăng 14,46 điểm tương đương 0,31% lên 4.701,21 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

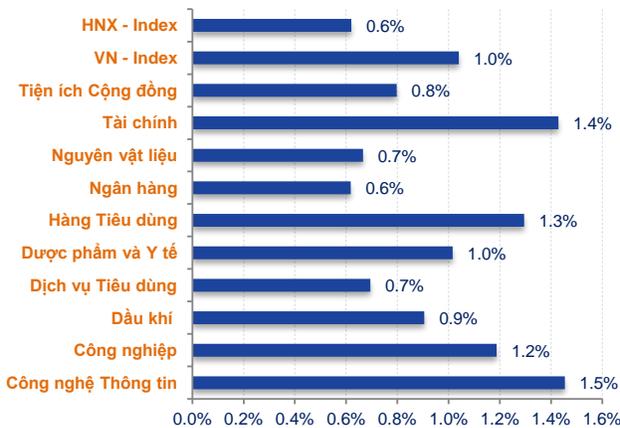
KLGD và VN-Index trong phiên



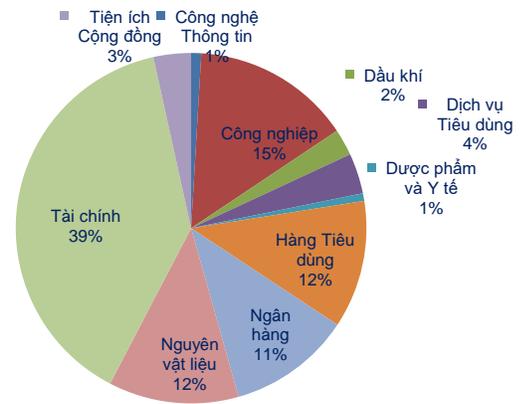
KLGD và HNX-Index trong phiên



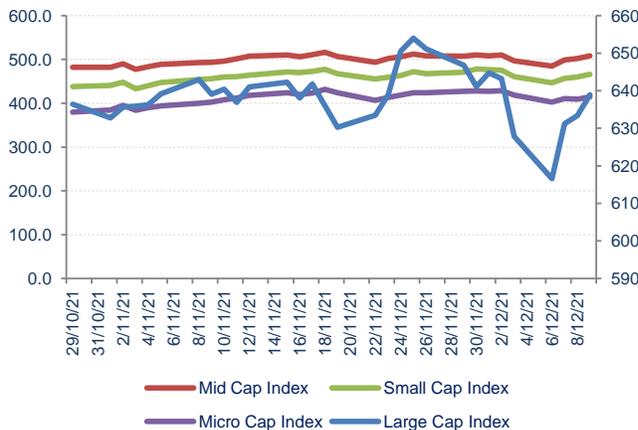
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



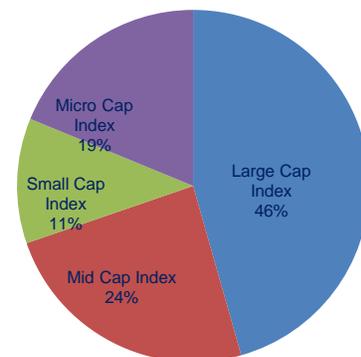
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,771,000	TCH	2,762,700
2	VRE	1,542,000	VPB	1,514,100
3	ROS	1,072,400	POW	1,156,800
4	DXS	899,700	HPG	905,900
5	VIC	866,100	HCM	544,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	156,200	SHS	145,700
2	TTH	66,000	DL1	76,300
3	NDN	57,000	SCI	40,700
4	CTC	30,500	KVC	40,400
5	PVG	21,200	CEO	23,040

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	9.87	10.20	↑ 3.34%	48,775,500
POW	15.10	15.45	↑ 2.32%	26,158,500
ITA	15.05	14.70	↓ -2.33%	23,738,200
ROS	8.06	8.28	↑ 2.73%	20,994,300
HNG	9.17	9.81	↑ 6.98%	19,465,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	7.10	7.00	↓ -1.41%	8,934,998
PVS	26.50	26.80	↑ 1.13%	7,345,562
SHS	49.50	51.50	↑ 4.04%	7,136,873
IDC	88.70	90.00	↑ 1.47%	4,034,607
PVL	18.80	17.00	↓ -9.57%	3,171,927

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FRT	64.30	68.80	4.50	↑ 7.00%
CTD	81.50	87.20	5.70	↑ 6.99%
BAF	29.30	31.35	2.05	↑ 7.00%
BCM	50.10	53.60	3.50	↑ 6.99%
HNG	9.17	9.81	0.64	↑ 6.98%

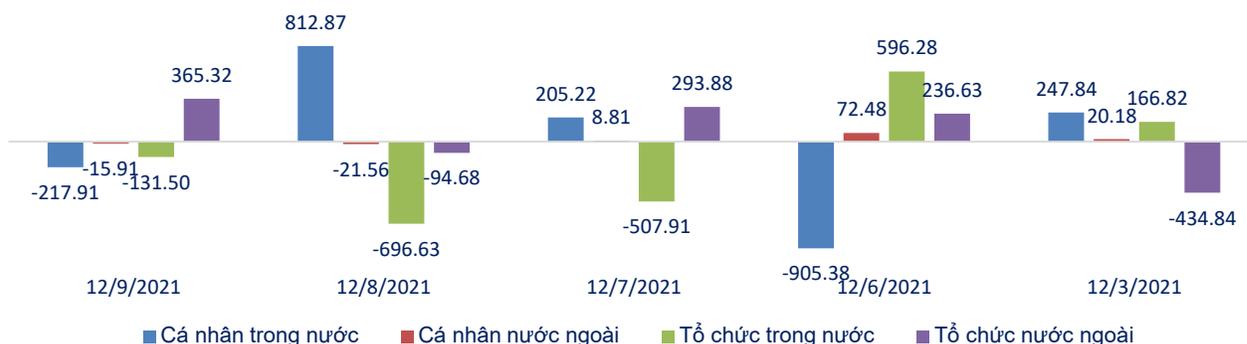
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTD	44.00	48.40	4.40	↑ 10.00%
QHD	33.20	36.50	3.30	↑ 9.94%
VNT	65.50	72.00	6.50	↑ 9.92%
MED	35.40	38.90	3.50	↑ 9.89%
VMC	21.80	23.90	2.10	↑ 9.63%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LM8	19.35	18.00	-1.35	↓ -6.98%
HOT	35.85	33.35	-2.50	↓ -6.97%
TNI	8.91	8.29	-0.62	↓ -6.96%
SJF	13.65	12.70	-0.95	↓ -6.96%
BTT	42.50	39.60	-2.90	↓ -6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L35	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
SDA	38.00	34.20	-3.80	↓ -10.00%
VTH	15.20	13.70	-1.50	↓ -9.87%
CMS	37.50	33.80	-3.70	↓ -9.87%
HEV	25.70	23.20	-2.50	↓ -9.73%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	138.26	44.7%	7,085	6.7	2.5
VPB	64.90	21.2%	2,772	12.9	2.6
APH	61.71	1.6%	447	81.3	1.1
TCH	61.12	5.6%	1,227	17.0	1.1
POW	50.02	8.6%	1,167	12.9	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-102.73	2.9%	1,111	95.4	2.5
CTG	-59.31	18.1%	3,439	9.6	1.7
VRE	-54.62	7.2%	954	31.6	2.2
VHM	-53.65	38.3%	8,968	9.0	3.0
VND	-46.84	34.3%	4,757	16.0	3.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	8.71	8.6%	1,754	21.1	1.6
CTG	4.65	18.1%	3,439	9.6	1.7
VND	2.51	34.3%	4,757	16.0	3.9
HPG	2.07	44.7%	7,085	6.7	2.5
DXS	1.77	16.0%	2,911	11.6	1.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-25.32	19.2%	2,683	16.4	2.8
SSI	-4.22	16.5%	2,048	25.3	3.9
VIC	-2.40	2.9%	1,111	95.4	2.5
VHM	-1.51	38.3%	8,968	9.0	3.0
DIG	-1.42	13.1%	1,516	45.0	5.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
REE	30.78	12.3%	5,543	12.1	1.3
DXG	22.70	7.5%	1,406	22.2	1.4
TCB	22.40	21.3%	4,965	10.1	2.0
VCB	21.30	20.4%	5,696	17.3	3.3
ACB	20.62	24.9%	3,599	9.2	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-95.65	44.7%	7,085	6.7	2.5
APH	-66.37	1.6%	447	81.3	1.1
POW	-32.20	8.6%	1,167	12.9	1.1
SSI	-26.85	16.5%	2,048	25.3	3.9
CII	-25.31	0.5%	177	145.5	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	94.26	2.9%	1,111	95.4	2.5
VHM	67.39	38.3%	8,968	9.0	3.0
CTG	54.56	18.1%	3,439	9.6	1.7
VRE	45.81	7.2%	954	31.6	2.2
VND	36.95	34.3%	4,757	16.0	3.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	-59.40	5.6%	1,227	17.0	1.1
VPB	-53.83	21.2%	2,772	12.9	2.6
HPG	-44.68	44.7%	7,085	6.7	2.5
VCB	-37.36	20.4%	5,696	17.3	3.3
HDG	-34.85	17.6%	4,942	15.4	2.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	48,775,500	-18.4%	(1,220)	-	1.8
POW	26,158,500	3250.0%	1,167	12.9	1.1
ITA	23,738,200	1.5%	174	86.7	1.3
ROS	20,994,300	3.1%	324	24.8	0.8
HNG	19,465,000	0.7%	51	179.9	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	8,934,998	0.1%	6	1,168.3	0.7
PVS	7,345,562	4.6%	1,238	21.4	1.0
SHS	7,136,873	25.5%	3,172	15.6	2.4
IDC	4,034,607	11.8%	1,805	49.1	5.7
PVL	3,171,927	9.9%	475	39.6	3.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	↑ 7.0%	8.9%	1,446	44.5	3.8
CTD	↑ 7.0%	2.2%	2,426	33.6	0.7
BAF	↑ 7.0%	13.4%	2,167	13.5	1.9
BCM	↑ 7.0%	10.6%	1,702	29.4	3.2
HNG	↑ 7.0%	0.7%	51	179.9	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	↑ 10.0%	17.0%	4,016	11.0	1.7
QHD	↑ 9.9%	14.9%	2,779	11.9	1.8
VNT	↑ 9.9%	-16.6%	(2,477)	-	4.6
MED	↑ 9.9%	10.2%	2,846	12.4	1.3
VMC	↑ 9.6%	0.9%	156	139.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,771,000	18.1%	3,439	9.6	1.7
VRE	1,542,000	7.2%	954	31.6	2.2
ROS	1,072,400	3.1%	324	24.8	0.8
DXS	899,700	16.0%	2,911	11.6	1.6
VIC	866,100	2.9%	1,111	95.4	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	156,200	11.8%	1,805	49.1	5.7
TTH	66,000	-1.2%	(133)	-	0.7
NDN	57,000	28.9%	3,986	4.8	1.3
CTC	30,500	11.6%	996	8.2	1.0
PVG	21,200	4.3%	578	25.1	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	402,972	2.9%	1,111	95.4	2.5
VCB	366,066	20.4%	5,696	17.3	3.3
VHM	352,704	38.3%	8,968	9.0	3.0
HPG	211,122	44.7%	7,085	6.7	2.5
GAS	187,950	16.9%	4,384	22.4	3.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,305	25.2%	4,694	53.7	15.3
IDC	26,610	11.8%	1,805	49.1	5.7
KSF	21,450	8.8%	762	93.8	3.6
VCS	18,960	41.5%	11,163	10.6	4.0
BAB	17,247	8.6%	979	23.4	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	2.87	0.5%	51	267.0	1.3
HAI	2.73	0.7%	87	81.8	0.6
SCR	2.71	5.5%	740	25.4	1.4
IDI	2.59	2.7%	363	42.4	1.1
DAH	2.37	0.1%	10	988.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	2.59	22.8%	1,712	22.2	3.4
PSI	2.41	2.9%	300	58.6	1.7
KLF	2.19	0.1%	6	1,168.3	0.7
HHG	2.13	-26.1%	(1,987)	-	1.1
CEO	2.12	-4.7%	(606)	-	3.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
